

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 282/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 11 năm 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Huỳnh Hưởng**

2. Ông **Huỳnh Minh Giới**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Chí Công** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 611/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lâm Thị B**, sinh năm 1991.

Trú tại: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Anh **Trần Quốc T**, sinh năm 1986.

Trú tại: Khóm 3, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị **Lâm Thị B** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Quốc T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (*Giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 05/7/2012*). Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng thời gian về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, do anh T có hành động đánh đập và có lời lẽ xúc phạm đến chị. Hiện, giữa chị và anh T đã ly thân, không còn sống chung mà hiện nay chị đang sinh sống tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nay, chị và anh T không còn ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng đã không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 người con chung tên Trần Khã V, sinh ngày 27/7/2012 và Trần Kim O, sinh ngày 19/11/2014. Hiện các cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp nuôi dạy các cháu, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ: Chị xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Quốc T: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Tuấn vắng mặt tại tòa; không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn anh Trần Quốc T có nơi trú tại khóm 3, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Lâm Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Trần Quốc T, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Trần Quốc T vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vắng mặt đối với anh T theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 05/7/2012 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T đã cấp cho chị B và anh T nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị B yêu cầu ly hôn anh T, vì chị cho rằng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, không hạnh phúc; do anh T có hành động đánh đập và có lời lẽ xúc phạm đến chị; chị và anh T đã không còn sống chung và đã ly thân, chị đang sống chung với gia đình của chị tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Đối với anh T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T không có văn bản hay ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị B. Tòa án cũng đã triệu tập nhiều lần hòa giải để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh T vẫn vắng mặt, như vậy cho thấy anh T không có thiện chí trong việc hàn gắn gia đình và tại tòa chị B kiên quyết ly hôn với anh T.

Xét, giữa chị B và anh T đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; anh T có hành động đánh đập và có lời lẽ xúc phạm đến chị B, đây là hành động bạo lực gia đình và vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, cho chị B được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị B và anh T có 02 người con chung tên Trần Khã V, sinh ngày 27/7/2012 và Trần Kim O, sinh ngày 19/11/2014. Hiện các cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp nuôi dạy các cháu, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; còn anh T cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung.

Xét, con chung tên Trần Khã V, sinh ngày 27/7/2012 và Trần Kim O, sinh ngày 19/11/2014, từ khi chị B và anh T ly thân, con chung hiện đang sống chung với chị B; ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu O và cháu V cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về cấp dưỡng*: Tại phiên tòa, chị B yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các cháu theo quy định của pháp luật. Xét, theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con*", do đó buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu O và cháu V là phù hợp với quy định pháp luật. Về mức cấp dưỡng, theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại khoản 2, mục III của Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới 1/2 mức lương cơ sở do nhà nước quy định tại thời điểm xét xử đối với 01 người con, mức lương cơ sở hiện nay là 1.390.000 đồng, do đó buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu số tiền 695.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 12/11/2018.

[5] *Về tài sản chung và nợ*: Chị B xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị B về việc ly hôn với anh Trần Quốc T.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lâm Thị B với anh Trần Quốc T.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Khã V, sinh ngày 27/7/2012 và Trần Kim O, sinh ngày 19/11/2014 cho chị Lâm Thị B trực tiếp nuôi dạy. Anh Trần Quốc T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Trần Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Khã V và cháu Trần Kim O với mỗi cháu số tiền 695.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 12/11/2018.

Về tài sản chung và nợ: Chị B xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Lâm Thị B đã dự nộp trước 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008608 ngày 30/8/2018 được chuyển thu án phí; anh Trần Quốc T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; còn bị đơn kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang